

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện (22822001)

Ngày thi: 05/05/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A304

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050003	Nguyễn Minh Nhật	06/01/2004	CCQ2205A						
2	2122050068	Nguyễn Hữu Phát	19/02/2003	CCQ2205B	1	Phát	8.8	8.5	8.6	
3	2122050118	Lê Tuấn Phong	02/08/2004	CCQ2205A	1	Phong	7.3	4.0	5.3	
4	2122050069	Huỳnh Ngọc Phúc	10/12/2003	CCQ2205B	1	Phúc	8.3	6.0	6.9	
5	2122050057	Lê Quang Phương	03/08/2004	CCQ2205B	1	Phu	8.8	7.0	7.8	
6	2122050049	Đặng Minh Quân	17/06/2004	CCQ2205B	1	Quân	8.0	4.0	5.6	
7	2122050028	Lê Mậu Hải	09/03/2004	CCQ2205A						
8	2122050056	Lê Thanh Quang	24/11/2004	CCQ2205B	1	Quang	8.3	4.5	6.0	
9	2122050135	Nguyễn Hoàng Quốc	08/03/2004	CCQ2205A	1	Quoc	7.8	9.0	8.5	
10	2122050137	Trần Văn Quốc	11/02/2004	CCQ2205B						
11	2122050121	Lê Đình Sơn	07/04/2004	CCQ2205A	1	Son	7.0	4.0	5.2	
12	2122050018	Trương Tấn Tài	02/01/2004	CCQ2205A	1	Tai	8.0	6.0	6.8	
13	2122050007	Nguyễn Duy Tân	20/01/2004	CCQ2205A	1	Tan	8.8	5.0	6.5	
14	2123050045	Hồ Thanh Tấn	10/08/2005	CCQ2305A	1	Tan	7.3	7.0	7.1	
15	2122050027	Nguyễn Thành Thái	13/04/2004	CCQ2205A	1	Thai	8.5	8.0	8.2	
16	2122050051	Tô Đình Thành	18/06/2004	CCQ2205B	1	Thanh	8.5	7.5	7.9	
17	2122050061	Huỳnh Quốc Thịnh	03/07/2004	CCQ2205B	1	Thinh	8.3	8.0	8.1	
18	2122050055	Trần Ngọc Thông	03/07/2004	CCQ2205B						
19	2122050030	Khê Như Thuần	13/09/2004	CCQ2205A	1	Thuan	8.0	7.5	7.7	
20	2122050019	Nguyễn Văn Minh Thuận	12/03/2004	CCQ2205A	1	Thuan	8.5	8.0	8.2	
21	2122050021	Phạm Văn Thiện Thuật	19/01/2001	CCQ2205A	1	Thuat	8.5	7.0	7.6	
22	2122050006	Nguyễn Duy Tiền	09/01/2003	CCQ2205A	1	Tien	7.8	4.0	5.5	
23	2122050064	Vạn Trung Tin	05/10/2004	CCQ2205B						
24	2122050066	Hồ Mạnh Trinh	27/03/2004	CCQ2205B	1	Trinh	8.0	7.0	7.4	
25	2122050035	Đào Phú Minh Trịnh	11/04/2004	CCQ2205A	1	Trinh	7.8	8.0	7.9	
26	2122050058	Đặng Minh Trọng	12/02/2004	CCQ2205B	1	Trong	7.3	6.5	6.8	
27	2122050025	Đặng Minh Trực	07/01/2004	CCQ2205A	1	Truc	8.5	8.0	8.2	
28	2122050014	Huỳnh Văn Trường	07/01/2004	CCQ2205A	1	Truong	8.5	8.0	8.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện (22822001)
Ngày thi: 05/05/2024
Giờ thi: 7g30
Phòng thi: A304

Số SV có mặt: 29
Số bài thi: 29
Số tờ giấy thi: 29

(Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122050016	Hồ Minh	Tuấn	22/08/2004	CCQ2205A	01	Tuấn	7.5	215	415	
30	2122050024	Nguyễn Văn	Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A	1	Thon	7.8	710	713	
31	2122140015	Ngô Hoàng	Việt	07/07/2004	CCQ2205A	1	q/m	8.3	710	715	
32	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2205A	1	uue	8.0	410	414	
33	2122110207	Nguyễn Trí Tuấn	Vũ	14/03/2004	CCQ2205B	1	du	8.5	510	614	
34	2123050106	Phạm Long	Vũ	13/02/2005	CCQ2305C	1	u	8.0	410	516	
35	2122050145	Nguyễn Thanh	Vương	24/08/2004	CCQ2205B			0.0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện (22822001)

Ngày thi: 05/05/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A302

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050050	Lê Đình Trường	An	02/09/2004	CCQ2205B	1	An	9.5	9.5	9.5
2	2122050004	Trương Khánh	Ấu	12/08/2004	CCQ2205A	1	ct	8.5	7.0	7.6
3	2122050009	Nguyễn Thành Thanh	Bảo	14/05/2004	CCQ2205A	1	Thanh	8.3	7.5	7.8
4	2123050060	Lê Văn	Cang	19/08/2005	CCQ2305B	1	Cang	8.5	8.0	8.2
5	2122050043	Đặng Quốc	Cường	18/03/2004	CCQ2205B	1	Cuong	8.0	7.0	7.4
6	2122050022	Mai Quang	Đại	10/06/2004	CCQ2205A	1	Đại	8.5	7.5	7.9
7	2123050084	Lê Văn	Danh	10/11/1997	CCQ2305B	1	Danh	7.0	3.5	4.9
8	2123050171	Não Văn	Diên	02/05/2005	CCQ2305D	1	Dien	7.0	0.5	3.1
9	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A	1	Ba	9.0	7.5	8.1
10	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	09/12/2004	CCQ2205A	1	Xuan	8.0	5.0	6.2
11	2122050042	Trần Lê Nhật	Duy	06/11/2004	CCQ2205B	1	Duy	8.3	8.0	8.1
12	2122180005	Đoàn Tất	Giáp	01/08/2004	CCQ2205C	1	Tat	8.3	6.0	6.9
13	2122050012	Huỳnh Ngô Phước	Hải	26/03/2004	CCQ2205A	1	Hai	6.8	3.0	4.5
14	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A	2	Hai	8.0	5.0	6.2
15	2122050119	Trương Minh	Hiển	16/11/2004	CCQ2205A	1	Minh	7.3	7.0	7.1
16	2122050037	Nguyễn Trung	Hiếu	04/04/2004	CCQ2205B	1	Trung	8.5	9.5	9.1
17	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A	1	Huu	8.5	6.5	7.3
18	2123050082	Phan Hữu	Hội	21/09/2005	CCQ2305B	1	Hoi	6.8	4.5	5.4
19	2122050036	Võ Phước	Hơn	16/04/2004	CCQ2205B	1	Hon	8.5	8.0	8.2
20	2122050059	Phan Trọng	Hữu	23/03/2004	CCQ2205B	1	Trong	7.8	5.5	6.4
21	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	CCQ2205B			5.0		
22	2122050046	Đoàn Minh	Khải	29/07/2004	CCQ2205B	1	Khai	8.3	4.0	5.7
23	2122050045	Phan Văn	Khải	31/08/2003	CCQ2205B					
24	2123050178	Trần Duy	Khang	20/08/2004	CCQ2305A	1	Duy	7.0	2.0	4.0
25	2122050029	Lương Duy	Khoa	11/06/2003	CCQ2205A	1	Khoa	8.0	8.0	8.0
26	2122050053	Nguyễn Phạm Hoàng	Minh	20/11/2004	CCQ2205B	1	Hoang	8.8	8.0	8.3
27	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C	1	Minh	7.8	6.0	6.7
28	2120240108	Hồ Lê Hoàng	Nam	13/09/2002	CCQ2005D	1	Nam	8.5	7.0	7.6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện (22822001)

Ngày thi: 05/05/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A302

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 33

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122050015	Trương Đắc	Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A	1	Ngọc	8.5	8,0	8,2	
30	2122050067	Nguyễn Tấn Gia	Nguyễn	30/04/2004	CCQ2205B	1	Nguyễn	8.5	6,0	7,0	
31	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu	Nhân	17/11/2004	CCQ2205A	1	Nhân	9.5	9,5	9,5	
32	2122050136	Trần Khắc	Nhân	24/03/2004	CCQ2205B	1	Nhân	7.5	8,5	8,1	
33	2122050031	Đào Minh	Nhật	31/01/2004	CCQ2205A	1	Nhật	8.0	5,0	6,2	
34	2122050017	Huỳnh Tuấn	Nhật	05/03/2004	CCQ2205A	1	Nhật	8.5	8,0	8,2	